TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hoà

2. Ông Hoàng Văn Ngân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tham gia phiên toà:*** Bà Đào Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lương Văn T - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt (Không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T kết hôn với nhau ngày 03/7/2006 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Uỷ ban nhân dân xã Hợp Thành, tỉnh Lào Cai), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được, mâu

thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Nguyễn Thị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Thời gian chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị T - Sinh ngày 08/01/2004 và cháu Lương Văn N - Sinh ngày 01/6/2009. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị N đề nghị Toà án giải quyết cho anh Lương Văn T được nuôi dưỡng cháu Lương Văn N cho đến khi cháu Lương Văn N đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị N không có nơi ở và không có công việc ổn định, thu nhập của chị N rất thấp, hơn nữa cháu Lương Văn N hiện nay đang sinh sống với anh T, do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Lương Thị T đã đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lương Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt nhưng anh Lương Văn T thường xuyên đi làm nên Tòa án đã không tống đạt trực tiếp được cho anh Lương Văn T, Toà án đã tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn T theo đúng quy định nhưng anh Lương Văn T không có văn bản trả lời và cũng không đến Toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử và tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lương Văn N - Sinh ngày 01/6/2009 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Lương Văn N đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T và giải quyết việc nuôi con chung giữa anh chị, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Lương Văn T có nơi cư trú tại thôn Hẻo Trang, xã Hợp Thành, tỉnh Lào Cai vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng anh Lương Văn T không đến Toà án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/7/2006 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Uỷ ban nhân dân xã Hợp Thành, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị Nguyễn Thị N cho rằng do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau, chị N không còn chung sống với anh T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã xác định trong thời gian chung sống giữa chị N và anh T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi chửi nhau, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau. Nội dung xác minh phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Lương Văn T.

[2.2] Về con chung: Thời gian chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T có 02 con chung là cháu Lương Thị T - Sinh ngày 08/01/2004 và cháu Lương Văn N - Sinh ngày 01/6/2009. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị N đề nghị Toà án giải quyết cho anh Lương Văn T được nuôi dưỡng cháu Lương Văn N cho đến khi cháu Lương Văn N đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Lương Thị T đã đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo lời khai của chị Nguyễn Thị N và nội dung xác minh của Tòa án thì hiện nay chị N và anh T đang làm công việc lao động tự do. Hiện nay cháu Lương Văn N đang sống cùng anh Lương Văn T, do anh Lương Văn T chăm sóc, cháu Lương Văn N có nguyện vọng được ở với anh Lương Văn T. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn T không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Do đó cần giao cháu Lương Văn N cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lương Văn N đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cháu Lương Thị T đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị N thì hiện nay chị không còn chung sống với anh Lương Văn T, chị không có nơi ở và không có thu nhập ổn định nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Anh Lương Văn T không có ý kiến gì đối với đề nghị của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị N về việc chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lào Cai: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Văn N - Sinh ngày 01/6/2009 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Lương Văn N đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001060 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Lương Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;VKSND tỉnh;
- VKSND KV 6 - Lào Cai;
- Các đương sự;
- Phòng THADSKV6 - Lào Cai;
- UBND xã Hợp Thành, tỉnh Lào Cai;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thu Trang